PLDC - Bài trắc nghiệm GDCD / KTPL - BỘ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1 **Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, Nhà nước ra đời do nguyên nhân nào?**

A. Do ý muốn của một cá nhân đứng đầu xã hội.

B. Do sự phát triển của xã hội dẫn đến phân hóa giai cấp và mâu thuẫn giai cấp không thể điều hòa.

C. Do nhu cầu trao đổi hàng hóa.

D. Do sự thỏa thuận giữa tất cả thành viên trong xã hội.

Câu 2 **Theo chủ nghĩa Mác – Lênin, Nhà nước là sản phẩm của:**

A. Xã hội nguyên thủy.

B. Xã hội có giai cấp.

C. Gia đình.

D. Tôn giáo.

Câu 3 **Học thuyết nào giải thích sự ra đời của Nhà nước bằng sự thỏa thuận giữa con người với nhau?**

A. Thuyết thần quyền.

B. Thuyết gia trưởng.

C. Thuyết khế ước xã hội.

D. Học thuyết Mác – Lênin.

Câu 4 **Bản chất của Nhà nước thể hiện ở hai tính chất cơ bản nào?**

A. Tính chính trị và kinh tế.

B. Tính giai cấp và tính xã hội.

C. Tính văn hóa và giáo dục.

D. Tính pháp luật và đạo đức.

Câu 5 **Bộ máy Nhà nước là:**

A. Hệ thống các cơ quan Nhà nước từ trung ương đến địa phương.

B. Tập hợp các tổ chức kinh tế.

C. Hệ thống các doanh nghiệp.

D. Các tổ chức xã hội tự nguyện.

Câu 6 **Đặc trưng nào sau đây là đặc trưng của Nhà nước?**

A. Có quyền lực công cộng đặc biệt.

B. Không có lãnh thổ riêng.

C. Không ban hành pháp luật.

D. Không quản lý dân cư.

Câu 7 **Nhà nước quản lý dân cư theo:**

A. Nghề nghiệp.

B. Tôn giáo.

C. Đơn vị hành chính lãnh thổ.

D. Trình độ học vấn.

Câu 8 **Chức năng của Nhà nước là:**

A. Những phương diện hoạt động chủ yếu của Nhà nước.

B. Những hoạt động riêng của người dân.

C. Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

D. Hoạt động của các tổ chức từ thiện.

Câu 9 **Cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất ở Việt Nam là:**

A. Chính phủ.

B. Quốc hội.

C. Tòa án nhân dân tối cao.

D. Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Câu 10 **Cơ quan quyền lực Nhà nước ở địa phương là:**

A. Ủy ban nhân dân.

B. Hội đồng nhân dân.

C. Tòa án nhân dân.

D. Viện kiểm sát nhân dân.

Câu 11 **Cơ quan hành chính Nhà nước cao nhất của Việt Nam là:**

A. Quốc hội.

B. Chính phủ.

C. Chủ tịch nước.

D. Tòa án nhân dân tối cao.

Câu 12 **Cơ quan nào thực hiện quyền xét xử?**

A. Viện kiểm sát.

B. Chính phủ.

C. Tòa án nhân dân.

D. Quốc hội.

Câu 13 **Cơ quan nào thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp?**

A. Tòa án nhân dân.

B. Viện kiểm sát nhân dân.

C. Quốc hội.

D. Chính phủ.

Câu 14 **Nhiệm kỳ của Quốc hội Việt Nam là bao nhiêu năm?**

A. 3 năm.

B. 4 năm.

C. 5 năm.

D. 6 năm.

Câu 15 **Hình thức cấu trúc lãnh thổ của Nhà nước Việt Nam là:**

A. Nhà nước liên bang.

B. Nhà nước đơn nhất.

C. Nhà nước liên minh.

D. Nhà nước quân chủ.

Câu 16 **Theo mô hình chính quyền địa phương sau ngày 01/07/2025, Việt Nam tổ chức đơn vị hành chính theo mấy cấp?**

A. 2 cấp.

B. 3 cấp.

C. 4 cấp.

D. 5 cấp.

Câu 17 **Việc thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh thuộc thẩm quyền quyết định của:**

A. Chính phủ.

B. Quốc hội.

C. Chủ tịch nước.

D. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

Câu 18 **Nhà nước Việt Nam mang bản chất giai cấp nào?**

A. Giai cấp tư sản.

B. Giai cấp địa chủ.

C. Giai cấp công nhân.

D. Giai cấp tiểu tư sản.

Câu 19 **Quyền lực Nhà nước ở Việt Nam thuộc về:**

A. Một cá nhân.

B. Nhân dân.

C. Chính phủ.

D. Các doanh nghiệp.

Câu 20 **Một trong những chức năng đối nội của Nhà nước là:**

A. Bảo vệ đất nước trước sự xâm lược từ bên ngoài.

B. Thiết lập quan hệ ngoại giao.

C. Quản lý kinh tế, văn hóa, xã hội trong nước.

D. Ký kết điều ước quốc tế.

Câu 21 **Pháp luật là hệ thống quy tắc xử sự chung do chủ thể nào ban hành hoặc thừa nhận?**

A. Gia đình.

B. Nhà nước.

C. Doanh nghiệp tư nhân.

D. Các tổ chức xã hội.

Câu 22 **Pháp luật có những thuộc tính cơ bản nào?**

A. Tính quy phạm phổ biến, tính xác định chặt chẽ về hình thức, tính được bảo đảm thực hiện bằng Nhà nước.

B. Tính tự nguyện và tính cá nhân.

C. Tính truyền thống và tính gia đình.

D. Tính đạo đức và tính tôn giáo.

Câu 23 **Chức năng điều chỉnh của pháp luật có ý nghĩa gì?**

A. Điều chỉnh các quan hệ xã hội.

B. Thay thế tất cả quy tắc đạo đức.

C. Xóa bỏ mọi quan hệ xã hội.

D. Chỉ quản lý hoạt động kinh doanh.

Câu 24 **Văn bản quy phạm pháp luật là văn bản:**

A. Chứa quy tắc xử sự chung, có hiệu lực bắt buộc chung.

B. Chỉ áp dụng cho một cá nhân cụ thể.

C. Chỉ dùng để trao đổi thông tin.

D. Không có hiệu lực pháp lý.

Câu 25 **Quốc hội ban hành loại văn bản quy phạm pháp luật nào?**

A. Nghị định.

B. Thông tư.

C. Luật.

D. Quyết định cá biệt.

Câu 26 **Hình thức thực hiện pháp luật nào thể hiện việc chủ thể không thực hiện những hành vi bị pháp luật cấm?**

A. Tuân thủ pháp luật.

B. Thi hành pháp luật.

C. Sử dụng pháp luật.

D. Áp dụng pháp luật.

Câu 27 **Thi hành pháp luật là hình thức thực hiện pháp luật trong đó chủ thể:**

A. Chủ động thực hiện nghĩa vụ pháp lý bằng hành động tích cực.

B. Không thực hiện hành vi bị cấm.

C. Thực hiện quyền của mình.

D. Ban hành văn bản pháp luật.

Câu 28 **Sử dụng pháp luật là:**

A. Thực hiện những quyền mà pháp luật cho phép.

B. Thực hiện nghĩa vụ bắt buộc.

C. Không thực hiện hành vi bị cấm.

D. Xử phạt người vi phạm.

Câu 29 **Áp dụng pháp luật là hình thức thực hiện pháp luật do chủ thể nào thực hiện?**

A. Mọi cá nhân.

B. Mọi tổ chức xã hội.

C. Cơ quan, người có thẩm quyền.

D. Các hộ gia đình.

Câu 30 **Bản chất của pháp luật thể hiện ở:**

A. Tính giai cấp và tính xã hội.

B. Tính cá nhân và gia đình.

C. Tính kinh tế và thương mại.

D. Tính tôn giáo và đạo đức.

Câu 31 **Trong các yếu tố cấu thành vi phạm pháp luật, mặt chủ quan bao gồm:**

A. Lỗi, động cơ, mục đích.

B. Hành vi và hậu quả.

C. Chủ thể và khách thể.

D. Địa điểm và thời gian.

Câu 32 **Năng lực pháp luật của cá nhân là:**

A. Khả năng của cá nhân có quyền và nghĩa vụ pháp lý.

B. Khả năng tự mình thực hiện mọi giao dịch.

C. Khả năng chịu trách nhiệm hình sự.

D. Khả năng tham gia kinh doanh.

Câu 33 **Năng lực hành vi là khả năng của chủ thể:**

A. Có quyền và nghĩa vụ pháp lý.

B. Bằng hành vi của mình xác lập, thực hiện quyền và nghĩa vụ pháp lý.

C. Ban hành pháp luật.

D. Xét xử các vụ án.

Câu 34 **Mối quan hệ giữa năng lực pháp luật và năng lực hành vi của một cá nhân là:**

A. Hoàn toàn giống nhau.

B. Năng lực pháp luật là tiền đề của năng lực hành vi.

C. Năng lực hành vi luôn có trước năng lực pháp luật.

D. Hai loại năng lực không liên quan.

Câu 35 **Cấu thành của quy phạm pháp luật gồm:**

A. Giả định, quy định, chế tài.

B. Chủ thể, khách thể, lỗi.

C. Quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm.

D. Hành vi, hậu quả, mục đích.

Câu 36 **Vi phạm pháp luật là hành vi:**

A. Có lỗi, trái pháp luật, do chủ thể có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện.

B. Đúng quy định pháp luật.

C. Không gây ảnh hưởng đến xã hội.

D. Được Nhà nước khuyến khích.

Câu 37 **Các dạng vi phạm pháp luật cơ bản gồm:**

A. Vi phạm hình sự, hành chính, dân sự, kỷ luật.

B. Vi phạm đạo đức, gia đình, văn hóa, xã hội.

C. Vi phạm kinh tế và thương mại.

D. Vi phạm cá nhân và tập thể.

Câu 38 **Trách nhiệm pháp lý là:**

A. Hậu quả bất lợi mà chủ thể vi phạm pháp luật phải gánh chịu.

B. Quyền lợi của người vi phạm.

C. Sự tự nguyện của cá nhân.

D. Hình thức khen thưởng của Nhà nước.

Câu 39 **Lỗi cố ý trực tiếp là trường hợp người vi phạm:**

A. Không nhận thức được hành vi của mình.

B. Nhận thức rõ hành vi nguy hiểm, thấy trước hậu quả và mong muốn hậu quả xảy ra.

C. Thấy trước hậu quả nhưng tin rằng hậu quả không xảy ra.

D. Không thể thấy trước hậu quả.

Câu 40 **Hệ thống pháp luật Việt Nam thuộc dòng họ pháp luật nào?**

A. Civil Law (dòng họ pháp luật châu Âu lục địa).

B. Common Law (dòng họ pháp luật Anh – Mỹ).

C. Pháp luật Hồi giáo.

D. Pháp luật xã hội nguyên thủy.

Câu 41 **Theo quy định của pháp luật Việt Nam, hình phạt tử hình không áp dụng đối với đối tượng nào?**

A. Người phạm tội từ đủ 18 tuổi trở lên.

B. Người phạm tội dưới 18 tuổi.

C. Người phạm tội lần đầu.

D. Người phạm tội ít nghiêm trọng.

Câu 42 **Giai đoạn người phạm tội bắt đầu thực hiện hành vi phạm tội nhưng không thực hiện được đến cùng vì nguyên nhân ngoài ý muốn được gọi là:**

A. Chuẩn bị phạm tội.

B. Phạm tội chưa đạt.

C. Tội phạm hoàn thành.

D. Tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội.

Câu 43 **Loại trách nhiệm pháp lý nghiêm khắc nhất là:**

A. Trách nhiệm dân sự.

B. Trách nhiệm hành chính.

C. Trách nhiệm kỷ luật.

D. Trách nhiệm hình sự.

Câu 44 **Theo Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam, độ tuổi kết hôn của nam và nữ là:**

A. Nam đủ 20 tuổi, nữ đủ 18 tuổi.

B. Nam đủ 18 tuổi, nữ đủ 18 tuổi.

C. Nam đủ 20 tuổi, nữ đủ 20 tuổi.

D. Nam đủ 21 tuổi, nữ đủ 18 tuổi.

Câu 45 **Quyền sở hữu tài sản bao gồm những quyền năng nào?**

A. Quyền sử dụng, quyền chiếm hữu.

B. Quyền chiếm hữu, quyền sử dụng, quyền định đoạt.

C. Quyền định đoạt, quyền thừa kế.

D. Quyền mua bán, quyền trao đổi.

Câu 46 **Theo quy định của Bộ luật Dân sự, hàng thừa kế thứ nhất gồm:**

A. Ông bà, cô, dì, chú, bác.

B. Vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của người chết.

C. Anh, chị, em ruột.

D. Bạn bè và người thân.

Câu 47 **Tiền lương của người lao động trong thời gian thử việc do hai bên thỏa thuận nhưng ít nhất phải bằng bao nhiêu phần trăm mức lương của công việc đó?**

A. 70%.

B. 75%.

C. 85%.

D. 90%.

Câu 48 **Chủ thể của tội phạm là:**

A. Cá nhân hoặc pháp nhân thương mại có đủ điều kiện chịu trách nhiệm hình sự.

B. Tất cả mọi tổ chức xã hội.

C. Chỉ có cơ quan Nhà nước.

D. Chỉ có người chưa thành niên.

Câu 49 **Theo Bộ luật Lao động, hình thức xử lý kỷ luật lao động gồm:**

A. Khiển trách, kéo dài thời hạn nâng lương, cách chức, sa thải.

B. Phạt tiền, cảnh cáo, bắt giữ.

C. Phạt tù, cải tạo không giam giữ.

D. Nhắc nhở, phạt tiền, tịch thu tài sản.

Câu 50 **Người lao động được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động không cần báo trước trong trường hợp nào?**

A. Không thích công việc.

B. Không được trả đủ lương hoặc trả lương không đúng thời hạn, trừ trường hợp luật có quy định khác.

C. Muốn chuyển sang công ty khác.

D. Không muốn tiếp tục làm việc.

Câu 51 **Người sử dụng lao động có được đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động vì lý do người lao động nữ đang mang thai không?**

A. Được phép trong mọi trường hợp.

B. Được phép nếu người lao động đồng ý.

C. Không được phép chỉ vì lý do người lao động đang mang thai.

D. Được phép nếu báo trước 30 ngày.

Câu 52 **Theo Bộ luật Hình sự, người từ đủ bao nhiêu tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm, trừ trường hợp luật có quy định khác?**

A. Đủ 14 tuổi.

B. Đủ 15 tuổi.

C. Đủ 16 tuổi.

D. Đủ 18 tuổi.

Câu 53 **Hành vi nào sau đây bị cấm trong kết hôn?**

A. Kết hôn tự nguyện.

B. Kết hôn giữa những người đủ tuổi theo luật định.

C. Cưỡng ép kết hôn.

D. Kết hôn có đăng ký.

Câu 54 **Thời giờ làm việc bình thường của người lao động theo chế độ làm việc theo ngày không quá:**

A. 6 giờ/ngày.

B. 8 giờ/ngày.

C. 10 giờ/ngày.

D. 12 giờ/ngày.

Câu 55 **Hợp đồng dân sự bị vô hiệu khi nào?**

A. Khi các bên tự nguyện giao kết.

B. Khi có đủ điều kiện có hiệu lực theo quy định pháp luật.

C. Khi vi phạm điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định pháp luật.

D. Khi các bên thực hiện đúng thỏa thuận.

Câu 56 **Hình phạt nào sau đây chỉ áp dụng đối với cá nhân phạm tội, không áp dụng đối với pháp nhân thương mại?**

A. Phạt tiền.

B. Đình chỉ hoạt động có thời hạn.

C. Tử hình.

D. Đình chỉ hoạt động vĩnh viễn.

Câu 57 **Thời gian thử việc đối với công việc có chức danh nghề cần trình độ chuyên môn, kỹ thuật từ cao đẳng trở lên tối đa là:**

A. 30 ngày.

B. 45 ngày.

C. 60 ngày.

D. 90 ngày.

Câu 58 **Quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch UBND cấp xã là:**

A. Văn bản quy phạm pháp luật.

B. Văn bản áp dụng pháp luật.

C. Văn bản luật.

D. Văn bản thỏa thuận dân sự.

Câu 59 **Khi một cá nhân bị Tòa án tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự, người nào thực hiện giao dịch dân sự của người đó?**

A. Người giám hộ.

B. Người hàng xóm.

C. Bất kỳ người thân nào.

D. Người sử dụng lao động.

Câu 60 **Theo Bộ luật Lao động hiện hành, thời gian nghỉ thai sản của lao động nữ khi sinh con là:**

A. 3 tháng.

B. 4 tháng.

C. 5 tháng.

D. 6 tháng.

Muốn tự tạo bài trắc nghiệm như thế này?

Quét QR hoặc truy cập: **baitracnghiem.app/tao-bai-trac-nghiem**

Luyện thêm cùng khóa học:

IELTS BREAKER: 89 bài từ vựng IELTS Speaking, học thử miễn phí, trọn bộ 199.000đ — diemdanh.app/khoa-hoc/ielts-breaker

Luyện nghe cơ bản (Basic level): 103 bài luyện nghe, học thử miễn phí, trọn bộ 99.000đ — diemdanh.app/khoa-hoc/luyen-nghe-basic-level-59

diemdanh.app